TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BT
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2023/DS-ST
Ngày: 23-8-2023
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BT TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Nga

Các Hội thẩm nhân dân:Ông: Lò Văn Trực

Ông: Lương Thanh Hải

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Hải Vân-Thư ký Toà án nhân dân Huyện BT, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện BT tham gia phiên tòa:*

Bà: Nhữ Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện BT, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2022/TLST-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2022 về: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Cao Thị Ch, sinh năm: 1980. Có mặt.

Trú tại: Thôn Q, xã Th, Huyện BT, Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Cao Văn Tú, sinh năm: 1986. Vắng mặt.

Chị: Lê Thị Th, sinh năm: 1986. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn Ch, xã Đ, Huyện BT, Thanh Hóa

Anh T vắng mặt không có lý do. Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2022, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Ch trình bày: Ngày 20/8/2021 âm lịch (tức ngày 26/9/2021 dương lịch) vợ chồng anh T, chị Th có viết giấy nhận nợ với chị tổng số tiền là 136.000.000đ (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng), có ghi hạn trả nợ tương ứng với số tiền trả và không ghi lãi mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) lãi theo lãi suất ngân hàng, trong đó số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) không tính lãi. Số tiền 115.000.000đ

(Một trăm mười lăm triệu đồng) hẹn trong vòng 01 năm sẽ thanh toán, thỏa thuận ngày 27/5/2022 dương lịch trả trước 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Số tiền 21.000.000đ (Hai mươi mốt triệu đồng) cá nhân anh T hẹn khi nào người khác trả cho anh T thì sẽ trả cho chị. Đến hạn trả nợ 60.000.000đ anh T, chị Th không trả được nợ gốc, hàng tháng lãi cũng không trả. Sau nhiều lần hỏi nợ không được nên chị đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu anh T chị Th trả số tiền gốc đã quá hạn là 60.000.000đ cộng tiền lãi theo quy định của pháp luật. Sau khi Tòa án thụ lý Tòa án triệu tập anh T lên làm việc, chị Th không lên, anh T thừa nhận còn nợ của chị tổng số tiền 136.000.000đ. Cụ thể ngày 21/7/2022 chị Ch yêu cầu anh T, chị Th trả 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi 180.000đ x 288 ngày (tính từ ngày 26/9/2021 dương lịch đến ngày 11/7/2022) = 51.840.000đ. Tổng gốc và lãi là 111.840.000đ (Một trăm mười một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngày10/11/2022 chị Ch làm đơn yêu cầu bổ sung đề nghị anh T chị Th trả nợ tiếp số tiền 55.000.000đ hạn trả nợ vào ngày 20/8/2022 âm lịch nay đã quá hạn, do nhiều lần chị hỏi nợ anh T, chị Th vẫn cố tình không trả. Còn số tiền 21.000.000đ chị chưa yêu cầu chị Th, anh T phải trả.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt, bản tự khai ngày 10/8/2022 anh T trình bày: Khoảng tháng 6/2020 vợ chồng anh có lên nhờ chị Ch vay giúp ngân hàng số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và hàng tháng vẫn trả lãi đều đặn. Ngày 10/9/2021 do cần vốn làm ăn nên anh nhờ chị Ch vay tiếp 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), lãi 4.000.000đ/ngày/triệu. Ngày 28/10/2021 do cần vốn nên anh vay tiếp với chị Ch 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), lãi 3.000.000đ/triệu/ngày. Sau một thời gian buôn bán bị dịch bệnh nên anh không thanh toán được gốc và lãi cho chị Ch. Ngày 20/8/2021 âm lịch anh viết giấy nhận nợ trong đó có gốc lãi đầy đủ như chị Ch trình bày tại Tòa án. Tổng số tiền gốc anh vay chị Ch là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), anh viết giấy nợ 136.000.000đ (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng), trong đó 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) là tiền lãi. Anh xin trả nợ khoản nợ 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) đến hạn chia làm 03 lần, mỗi lần 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), số nợ còn lại sau khi anh trả hết 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) sẽ tiếp tục liên hệ với chị Ch để thỏa thuận phương thức trả nợ. Anh T thừa nhận giấy nợ đề ngày 20/8/2021 âm lịch là do anh viết và anh ký thay cả chữ ký của chị Th (vợ anh), chị Th chỉ biết về khoản nợ 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), các khoản khác chị Th không biết anh vay cá nhân.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2023 anh T trình bày: Khoản tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng). Tòa án đã hòa giải ngày 17/8/2022 nhưng chị Ch không đồng ý với phương án trả nợ. Nay do hoàn cảnh khó khăn nên anh có phương án trả nợ cho chị Ch như sau: Hẹn 10 ngày sẽ trả cho chị Ch 10% số tiền trên, số tiền còn lại trả theo tháng, mỗi tháng trả 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa chị Th xin vắng mặt, tại biên bản làm việc ngày 21/12/2022 chị Lê Thị Th trình bày: Đối với số tiền vay 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) trong giấy nhận nợ ngày 20/8/2021 âm lịch giữa chị Ch và anh T chốt nợ chị không được biết, nhưng trước đó vợ chồng có lên vay với chị Ch số tiền

40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) để trả sổ ngân hàng chị có ký nhân, sau đó đã trả cho chị Ch, chị Ch đã gạch trong sổ tay ghi chép. Còn số tiền còn lại chồng chị là anh T vay với chị Ch thời gian nào, vay để làm gì chị không được biết, sau đó chị thấy chị Ch xuống nhà đòi nợ và yêu cầu anh T viết giấy, anh T viết giấy và sau đó chị Ch yêu cầu chị ký nhưng chị không được vay nên không đồng ý ký. Đối với giấy vay đề ngày 20/8/2021 âm lịch chị không được ký, chữ ký đó do ai đó hoặc anh T ký.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2023 chị Th thừa nhận trong giấy nhận nợ ngày 20/8/2021 âm lịch anh T có viết giấy nợ với chị Ch 136.000.000đ (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng). Trong đó vợ chồng có lên nhờ chị Ch vay ké sổ ngân hàng 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) nay chị sẽ có trách nhiệm trả chung với anh T số tiền này, số tiền còn lại chị không biết anh T vay với chị Ch khi nào và để làm gì nên chị không có trách nhiệm trả số tiền còn lại.

Về lãi xuất chị đồng ý trả lãi cho chị Ch với mức lãi 11%/năm = 0,91%/tháng tính từ ngày 20/8/2021 âm lịch. Đối với giấy vay đề ngày 20/8/2021 âm lịch không phải chữ ký của chị mà do anh T ký, trước đó chị có được ký 01 giấy vay tiền 40.000.00đ (Bốn mươi triệu đồng).

Tại biên bản làm việc ngày 04/7/2023 chị Th và anh T xác nhận anh T có viết giấy xác nhận nợ với chị Ch tổng số tiền 136.000.000đ (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng) vào ngày 20/8/2021 âm lịch. Anh T thừa nhận anh là người viết giấy vay và ký tên chị Th vợ anh, nay anh sẽ có trách nhiệm trả số tiền 75.000.000đ (Bảy mười lăm triệu đồng) cộng lãi xuất 11%/năm tính từ ngày 20/8/2021 âm lịch. Chị Th xác nhận vợ chồng chị chỉ được vay với chị Ch số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), vay ké sổ ngân hàng. Nay chị sẽ có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên cộng lãi 11%/năm tính từ ngày 20/8/2021 âm lịch. Về phương án trả nợ, anh T, chị Th đề nghị trả trước 10% số tiền = 11.500.000đ, số tiền cón lại anh đề nghị trả dần hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa hôm nay có mặt nguyên đơn, bị đơn chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin xét xử vắng mặt của chị Th và toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và căn cứ điều 227, điều 228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th, anh T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ch trình bày: Tại bản tự khai ngày 10/8/2022 anh T trình bày mà chủ tọa phiên tòa công bố tại phiên tòa, anh T khai tháng 6/2020 vợ chồng anh có lên nhờ chị vay giúp ngân hàng số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và hàng tháng vẫn trả lãi đều đặn và ngày 10/9/2021 do cần vốn làm ăn nên anh nhờ chị vay tiếp số tiền 60.000.000đ còn lại là đúng. Anh T trình bày do cần vốn nên ngày 28/10/2021 anh T vay tiếp với chị 30.000.000đ là không đúng vì sau khi chốt các khoản nợ tại nhà anh T vào ngày 20/8/2021 âm lịch tức ngày 26/9/2021 dương lịch anh T không vay thêm khoản tiền nào nữa, anh T cho rằng tổng số tiền gốc anh vay của chị là 100.000.000đ, anh viết giấy nợ 136.000.000đ trong đó 36.000.000đ là tiền lãi với lãi xuất 4000đ và 3000đ/ ngày là không đúng vì toàn bộ số tiền vay trước đó chị đều tính theo lãi xuất ngân hàng vợ

chồng anh T không trả cho chị được đồng tiền gốc và lãi nào nên chị mới xuống nhà chốt nợ, chị Th không ký nên anh T đã tự ký và viết họ tên chị Th. Nay chị đề nghị anh T phải có trách nhiệm trả số nợ 75.000.000đ cộng lãi xuất đã thỏa thuận là 11%/năm, chị Th anh T phải có nghĩa vụ trả số nợ 40.000.000đ cộng lãi xuất đã thỏa thuận là 11%/năm, thời điểm tính lãi từ ngày 26/9/2021 đến thời điểm xét xét xử. Trả một lần. Còn số tiền 21.000.000đ ghi trong giấy nhận nợ ngày 20/8/2021 chị chưa yêu cầu anh T phải trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện BT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, khoản 1 điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 3 điều 26 và điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ch. Buộc anh T phải trả cho chị Ch số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) cộng lãi xuất 11%/năm tính từ ngày 20/8/2021 âm lịch, buộc anh T và chị Th có trách nhiệm liên đới trả cho chị Ch số tiền 40.000.000đ, lãi xuất 11%/năm tính từ ngày 20/8/2021 âm lịch (tức là ngày 26/9/2021).

Về án phí: Anh T, chị Th phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện BT được được quy định tại Điều 39 – BLTTDS năm 2015 vì theo đơn khởi kiện và giấy vay tiền, bản tự khai, bị đơn có địa chỉ tại thôn Chiềng Lẫm, xã Điền Lư, Huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự: Nguyên đơn chị Cao Thị Ch yêu cầu anh Cao Văn Tú phải trả số tiền vay theo giấy nợ ngày 20/8/2021 âm lịch số tiền là 75.000.000đ, anh T và Lê Thị Thúy phải có nghĩa vụ trả cho chị Ch số tiền 40.000.000đ do vợ chồng vi phạm thời hạn trả nợ nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc trường hợp vay có kỳ hạn có lãi xuất được quy định tại khoản 3 Điều 26 - BLTTDS năm 2015.

[3] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có mặt, bị đơn chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai dù đã được tống đạt hợp lệ. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Chị Ch cho anh T và chị Th vay tổng số tiền 136.000.000đ (Một trăm ba mươi sáu triệu đồng). Các bên thỏa thuận chia làm 03

đợt thanh toán, lần 1 ngày 27/5/2022 trả cho chị Ch 60.000.000đ, lần 2 ngày 26/9/2022 trả cho chị Ch 55.000.000đ, còn số tiền 21.000.000đ còn lại khi nào người khác trả cho anh T thì anh T mới phải trả cho chị Ch. Đến hạn trả nợ anh T chị Th không trả được. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị Ch khởi kiện yêu cầu anh T, chị Th trả số tiền là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu) là có căn cứ và được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án chị Th chỉ thừa nhận được biết về khoản vay 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), chữ ký trong giấy nhận nợ ngày 20/8/2021 của chị là do anh T tự ký, các khoản vay khác chị Th không được biết vì vậy chị Th chỉ có trách nhiệm liên đới trả cùng anh T số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Chị Ch, anh T, chị Th đều thống nhất số tiền phải trả là 115.000.000đ (Còn số tiền 21.000.000đ chị Ch chưa yêu cầu), các bên thống nhất trong tổng số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) anh T có trách nhiệm trả riêng 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng), chị Th và anh T liên đới trả số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) về lãi xuất thống nhất là 11%/năm tính từ ngày 20/8/2021 âm lịch, tức là ngày 26/9/2021 dương lịch.

Như vậy số tiền anh T phải trả là 75.000.000đ + (lãi 11%/năm x 22 tháng 28 ngày (tính từ ngày 20/8/2021 âm lịch (tức là ngày 26/9/2021) đến ngày 23/8/2023 dương lịch= 687.000đ/tháng x 22 tháng 28 ngày) = 15.755.000đ tiễn lãi + số tiền gốc 75.000.000đ = 90.755.000đ (Chín mươi triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Chị Th và anh T liên đới chịu trách nhiệm trả 40.000.000đ + (lãi 11%/năm x 22 tháng 28 ngày (tính từ ngày 20/8/2021 âm lịch (tức là ngày 26/9/2021) đến ngày 23/8/2023 dương lịch = 366.400đ x 22 tháng 28 ngày) = 8.402.800đ tiền lãi + 40.000.000đ tiền gốc = 48.402.800đ (Bốn mươi tám triệu tám trăm lẻ hai nghìn tám trăm đồng). Anh T và chị Th đề nghị được trả dần số tiền trên, chị Ch yêu cầu anh T, chị Th trả một lần.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Hội đồng xét xử thấy rằng về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nội dung giấy ghi nợ ngày 20/8/2021 phần nội dung do anh T viết, người vay là anh Cao Văn Tú và chị Lê Thị Th ký nhận có nội dung thỏa thuận về số tiền vay với chị Ch và hạn trả nợ, thể hiện việc vay nợ giữa anh T chị Th và chị Ch, có thời gian trả nợ, quá trình giải quyết vụ án các bên thống nhất được số tiền gốc phải trả và lãi xuất hàng tháng, nội dung thỏa thuận giữa hai bên phù hợp, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy là hợp pháp và là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do anh T, chị Th vì phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong giấy nên chị Ch yêu cầu anh T, chị Th phải trả nợ số tiền 115.000.000đ là có căn cứ, chị Th cho rằng chữ ký và chữ viết họ tên trong giấy nợ ngày 20/8/2021 không phải chữ ký và chữ viết Lê Thị Th là của chị, anh T thừa nhận đã tự ký thay chị Th vợ anh. Chị Th thừa nhận vợ chồng vay của chị Ch 40.000.000đ và chị sẽ có trách nhiệm trả nợ chung cùng anh T số tiền này, còn lại anh T vay và chi tiêu cá nhân nên anh T phải trả riêng số tiền còn

lại cho chị Ch các bên đã thống nhất được tổng số nợ phải trả cho chị Ch lãi xuất, thời gian tính lãi và trách nhiệm trả nợ. Như vậy có đủ căn cứ buộc anh T có trách nhiệm trả nợ riêng 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) cộng lãi xuất cho chị Ch, chị Th và anh T liên đới trả số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) cộng lãi xuất cho chị Ch.

Về yêu cầu trả khoản tiền lãi: Các bên thống nhất là 11%/năm tính từ ngày 20/8/2021 âm lịch, tức là ngày 26/9/2021 dương lịch đến thời điểm xét xử 23/8/2023. Xét thấy có căn cứ được xem xét chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của chị Ch được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 90.755.000đ x 5% = 4.537.750đ (Làm tròn: Bốn triệu năm trăm ba mươi tám nghìn). Chị Ch, anh T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 48.402.800đ x 5% = 2.420.140đ (Làm tròn Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Ch.

Buộc anh Cao Văn Tú phải trả cho chị Ch số tiền 90.755.000đ (Chín mươi triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Buộc chị Lê Thị Th và anh Cao Văn Tú phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Cao Thị Ch số tiền 48.402.800đ (Bốn mươi tám triệu bốn trăm lẻ hai nghìn tám trăm đồng).

Sau khi án có hiệu pháp luật, chị Ch có đơn yêu cầu thi hành án. Chi cục thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án (anh T, chị Th) không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.537.750đ (Làm tròn: Bốn triệu năm trăm ba mươi tám nghìn).

Chị Th và anh T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.420.140đ (Làm tròn: Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn chị Cao Thị Ch có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh Cao Văn Tú, chị Lê Thị Th có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THADS Huyện BT;
-Tòa án tỉnh Thanh Hóa
- Lưu hồ sơ vụ án.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Vũ Văn Nga